

Số: 978/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung
đối với viên chức đợt 2 năm 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/07/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2014 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BNV của Bộ Nội vụ ngày 05/01/2005 Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/06/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-ĐHDL ngày 30/09/2021 về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Biên bản họp ngày 04/12/2021 của Hội đồng xét nâng bậc lương Trường Đại học Đà Lạt về việc xét nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức đợt 2 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 2 năm 2021 đối với 80 viên chức Trường Đại học Đà Lạt (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cán bộ viên chức có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, TCHC.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

DANH SÁCH VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN, NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC HẠN VÀ PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 2 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-DHDL ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức đợt 2/2021 của Trường Đại học Đà Lạt)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Đơn vị	Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Kết quả nâng bậc trong năm 2021				Ghi chú
		Nam	Nữ									Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc lương, PCTN/VK lần sau	
I VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																
1	Đỗ Thuý Thuý	Dung	1979	Thạc sĩ	Phòng Tổ chức - Hành chính	01.003	5	3,66		07-2018	01.003	6	3,99		07-2021	
2	Vương Nữ Minh Khuê	Khuê	1984	Thạc sĩ	Phòng Tổ chức - Hành chính	01.003	5	3,66		10-2018	01.003	6	3,99		10-2021	
3	Nguyễn Thị Hồng Lê	Lê	1975	Thạc sĩ	Phòng Tổ chức - Hành chính	01.003	8	4,65		11-2018	01.003	9	4,98		11-2021	
4	Phạm Thị Loan	Loan	1995	Đại học	Phòng Tổ chức - Hành chính	01.003	1	2,34		11-2018	01.003	2	2,67		11-2021	
5	Nguyễn Phan Nhật Nguyên	Nguyên	1995	Đại học	Phòng Tổ chức - Hành chính	01.003	1	2,34		11-2018	01.003	2	2,67		11-2021	
6	Lê Thị Diệu	Diệu	1989	Đại học	Phòng Quản lý Đào tạo	01.003	2	2,67		10-2018	01.003	3	3,00		10-2021	
7	Đinh Ngọc Thanh Quỳnh	Quỳnh	1989	Thạc sĩ	Phòng Quản lý Đào tạo	01.003	3	3,00		09-2018	01.003	4	3,33		09-2021	
8	Đỗ Thị Thanh Loan	Loan	1978	Đại học	Phòng Tài chính	06.031	7	4,32		12-2018	06.031	8	4,65		12-2021	
9	Hà Thị Mai	Mai	1977	Thạc sĩ	Phòng Tài chính	06.031	8	4,65		11-2018	06.031	9	4,98		11-2021	
10	Đoan Trọng Thanh Sơn	Sơn	1995	Đại học	Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác Quốc tế	01.003	1	2,34		11-2018	01.003	2	2,67		11-2021	
11	Nguyễn Khánh Trang	Trang	1982	Thạc sĩ	Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác Quốc tế	01.003	5	3,66		08-2018	01.003	6	3,99		08-2021	
12	Phan Thị Thu Hà	Hà	1980	Trung cấp	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	16.119	9	3,46		09-2019	16.119	10	3,66		09-2021	
13	Ngô Thị Thanh Huyền	Huyền	1967	Đại học	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	01.003	4	3,33		08-2018	01.003	5	3,66		08-2021	
14	Giang Thị Thanh Nga	Nga	1995	Đại học	Phòng Quản lý chất lượng	01.003	1	2,34		11-2018	01.003	2	2,67		11-2021	
15	Phan Hoàng Đại	Đại	1979	Thạc sĩ	Phòng Cơ sở Vật chất	V.05.01.03	5	3,66		12-2018	V.05.01.03	6	3,99		12-2021	
16	Trương Anh Vũ	Vũ	1989	Thạc sĩ	Phòng Cơ sở Vật chất	01.003	3	3,00		09-2018	01.003	4	3,33		09-2021	
17	Nguyễn Nguyễn Ngọc	Ngọc	1994	Đại học	Phòng Thanh tra	01.003	1	2,34		11-2018	01.003	2	2,67		11-2021	
18	Phan Ngọc Đông	Đông	1980	Thạc sĩ	Thư viện	V.05.02.07	6	3,99		10-2018	V.05.02.07	7	4,32		10-2021	
19	Hoàng Thị Huyền	Huyền	1979	Đại học	Thư viện	01.003	6	3,99		10-2018	01.003	7	4,32		10-2021	
20	Nguyễn Thị Năm	Năm	1983	Thạc sĩ	Trung tâm Công nghệ thông tin	01.003	2	2,67		09-2018	01.003	3	3,00		09-2021	



STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2021				Ghi chú		
		Nam	Nữ			Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc		% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc lương, PCTNVK lần sau
21	Đặng Quốc	Phi	1975	Đại học	Trung tâm Công nghệ thông tin	01.003	6	3,99		12-2018	01.003	7	4,32		12-2021	
22	Phạm Quang	Huy	1978	Tiến sĩ	Trung tâm Giáo dục đào tạo tri tuệ nhân tạo	V.07.01.03	7	4,32		12-2018	V.07.01.03	8	4,65		12-2021	
23	Nguyễn Văn	Đạo	1987	Đại học	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	V.07.01.03	3	3,00		10-2018	V.07.01.03	4	3,33		10-2021	
24	Nguyễn Xuân	Phượng	1976	Đại học	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	01.003	6	3,99		10-2018	01.003	7	4,32		10-2021	
25	Trần Văn	Thuân	1985	Đại học	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	V.07.01.03	1	2,34		11-2018	V.07.01.03	2	2,67		11-2021	
26	Lê Nguyễn	Khương	1978	Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	01.003	6	3,99		06-2018	01.003	7	4,32		06-2021	
27	Nguyễn Hoàng	Mai	1989	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao	V.05.01.03	3	3,00		12-2018	V.05.01.03	4	3,33		12-2021	
28	Đỗ Thị	Hoa	1981	Đại học	Khoa Toán - Tin học	01.003	1	2,34		11-2018	01.003	2	2,67		11-2021	
29	Trình Đức	Tài	1966	Tiến sĩ	Khoa Toán - Tin học	V.07.01.02	5	5,76		12-2018	V.07.01.02	6	6,10		12-2021	
30	Đỗ Thị	Lệ	1984	Thạc sĩ	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	V.07.01.03	5	3,66		09-2018	V.07.01.03	6	3,99		09-2021	
31	Phan Văn	Nghĩa	1964	Thạc sĩ	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	V.07.01.02	6	6,10		12-2018	V.07.01.02	7	6,44		12-2021	
32	Võ Minh	Phụng	1990	Thạc sĩ	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	V.07.01.03	2	2,67		10-2018	V.07.01.03	3	3,00		10-2021	
33	Nguyễn Thị Minh	Sang	1990	Thạc sĩ	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	V.07.01.03	3	3,00		09-2018	V.07.01.03	4	3,33		09-2021	
34	Huyền Thị Thu	Thuý	1967	Thạc sĩ	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	V.07.01.02	6	6,10		09-2018	V.07.01.02	7	6,44		09-2021	
35	Huyền Đình	Dũng	1964	Thạc sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.02	6	6,10		12-2018	V.07.01.02	7	6,44		12-2021	
36	Nguyễn Hải	Hà	1982	Thạc sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.03	5	3,66		09-2018	V.07.01.03	6	3,99		09-2021	
37	Nguyễn Thị	Hầu	1989	Tiến sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.03	4	3,33		09-2018	V.07.01.03	5	3,66		09-2021	
38	Đinh Thị	Hiền	1990	Thạc sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.03	2	2,67		11-2018	V.07.01.03	3	3,00		11-2021	
39	Trần Thị Hoài	Linh	1975	Thạc sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.03	8	4,65		11-2018	V.07.01.03	9	4,98		11-2021	
40	Huyền Phương	Thảo	1989	Thạc sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.03	3	3,00		09-2018	V.07.01.03	4	3,33		09-2021	
41	Trần Thị	Tinh	1978	Tiến sĩ	Khoa Hóa học và Môi trường	V.07.01.02	1	4,40		09-2018	V.07.01.02	2	4,74		09-2021	
42	Lương Văn	Dũng	1972	Tiến sĩ	Khoa Sinh học	V.07.01.03	7	4,32		10-2018	V.07.01.03	8	4,65		10-2021	
43	Nguyễn Thị Bích	Liên	1983	Thạc sĩ	Khoa Sinh học	V.05.01.03	2	2,67		08-2018	V.05.01.03	3	3,00		08-2021	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2021				Ghi chú		
		Nam	Nữ			Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc		% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc lương, PCTNVK lần sau
44	Trần Thị Nhung		1983	Thạc sĩ	Khoa Sinh học	V.07.01.03	5	3,66		09-2018	V.05.01.03	6	3,99		09-2021	
45	Đỗ Thị Cát Tường		1993	Thạc sĩ	Khoa Sinh học	V.07.01.03	2	2,67		08-2018	V.07.01.03	3	3,00		08-2021	
46	Lê Thị Thanh Đàm		1975	Thạc sĩ	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	V.07.01.03	7	4,32		10-2018	V.07.01.03	8	4,65		10-2021	
47	Lê Hồng Phong		1960	Tiến sĩ	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	V.07.01.02	7	6,44		09-2018	V.07.01.02	8	6,78		09-2021	
48	Hồ Thị Giang Châu		1972	Thạc sĩ	Khoa Ngoại ngữ	V.07.01.02	1	4,40		09-2018	V.07.01.02	2	4,74		09-2021	
49	Lê Văn Tuấn Khoa		1991	Thạc sĩ	Khoa Ngoại ngữ	V.07.01.03	2	2,67		11-2018	V.07.01.03	3	3,00		11-2021	
50	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân		1985	Thạc sĩ	Khoa Ngoại ngữ	V.07.01.03	3	3,00		08-2018	V.07.01.03	4	3,33		08-2021	
51	Nguyễn Hoàng Nhật Hoa		1992	Thạc sĩ	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	2	2,67		10-2018	V.07.01.03	3	3,00		10-2021	
52	Phạm Thị Ngọc Trâm		1986	Thạc sĩ	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3,33		08-2018	V.07.01.03	5	3,66		08-2021	
53	Trần Lan Hương		1983	Thạc sĩ	Khoa Du lịch	V.07.01.03	3	3,00		10-2018	V.07.01.03	4	3,33		10-2021	
54	Vân Thị Nguyễn		1983	Thạc sĩ	Khoa Du lịch	V.07.01.03	4	3,33		10-2018	V.07.01.03	5	3,66		10-2021	
55	Đình Quảng Anh		1984	Tiến sĩ	Khoa Nông Lâm	V.07.01.03	5	3,66		09-2018	V.07.01.03	6	3,99		09-2021	
56	Nguyễn Thị Thanh Tinh		1985	Tiến sĩ	Khoa Nông Lâm	V.07.01.03	4	3,33		10-2018	V.07.01.03	5	3,66		10-2021	
57	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		1980	Thạc sĩ	Khoa Quốc tế học	V.07.01.03	5	3,66		12-2018	V.07.01.03	6	3,99		12-2021	
58	Lê Thị Quỳnh Hào		1977	Tiến sĩ	Khoa Quốc tế học	V.07.01.02	1	4,40		09-2018	V.07.01.02	2	4,74		09-2021	
59	Nguyễn Cao Luyện		1979	Dại học	Khoa Quốc tế học	V.07.01.03	6	3,99		11-2018	V.07.01.03	7	4,32		11-2021	
60	Nguyễn Thị Thắm Mỹ		1986	Thạc sĩ	Khoa Quốc tế học	V.07.01.03	2	2,67		11-2018	V.07.01.03	3	3,00		11-2021	
61	Nguyễn Phương Tú Quỳnh		1995	Dại học	Khoa Quốc tế học	V.07.01.03	1	2,34		11-2018	V.07.01.03	2	2,67		11-2021	
62	Lê Vũ Đình Phi		1975	Tiến sĩ	Khoa Sư phạm	V.07.01.02	2	4,74		09-2018	V.07.01.02	3	5,08		09-2021	
63	Nguyễn Thị Minh Hiền		1979	Thạc sĩ	Khoa Xã hội học và Công tác xã hội	V.07.01.03	6	3,99		07-2018	V.07.01.03	7	4,32		07-2021	
64	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh		1988	Thạc sĩ	Khoa Lý luận chính trị	V.07.01.03	2	2,67		11-2018	V.07.01.03	3	3,00		11-2021	
65	Thái Ngọc Như Quỳnh		1985	Thạc sĩ	Khoa Lý luận chính trị	V.07.01.03	2	2,67		11-2018	V.07.01.03	3	3,00		11-2021	
66	Nguyễn Thị Huyền		1974	Dại học	Khoa Giáo dục thể chất	01.003	4	3,33		08-2018	01.003	5	3,66		08-2021	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2021				Ghi chú		
		Nam	Nữ			Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc		% phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc lương, PCTNVK lần sau
II VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỨC HIỆN NHIỆM VỤ																
1	Đặng Tuấn	Hiệp	1983	Tiến sĩ	Khoa Toán - Tin học	V.07.01.03	5	3,66		02-2019	V.07.01.03	6	3,99		02-2021	
2	Phạm Thị Thanh	Thảo	1988	Tiến sĩ	Khoa Sinh học	V.07.01.03	4	3,33		03-2019	V.07.01.03	5	3,66		03-2021	
3	Nguyễn Thanh Thủy	Tiên	1973	Thạc sĩ	Khoa Sinh học	V.07.01.02	2	4,74		08-2019	V.07.01.02	3	5,08		08-2021	
4	Lê Ngọc	Bình	1986	Thạc sĩ	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	V.07.01.03	4	3,33		03-2019	V.07.01.03	5	3,66		03-2021	
5	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	1987	Thạc sĩ	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3,33		08-2019	V.07.01.03	5	3,66		08-2021	
6	Hoàng Mai	Phượng	1984	Thạc sĩ	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3,33		03-2019	V.07.01.03	5	3,66		03-2021	
7	Tương Thị Ngọc	Thuyền	1976	Tiến sĩ	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	V.07.01.02	2	4,74		09-2019	V.07.01.02	3	5,08		09-2021	
8	Tương Thị Lan	Hương	1974	Tiến sĩ	Khoa Du lịch	V.07.01.02	4	5,42		05-2019	V.07.01.02	5	5,76		05-2021	
9	Nguyễn Thị Mai	Anh	1978	Thạc sĩ	Khoa Nông Lâm	01.003	5	3,66		08-2019	01.003	6	3,99		08-2021	
10	Đỗ Thị Phương	Lan	1969	Thạc sĩ	Khoa Sư phạm	V.07.01.03	8	4,65		01-2019	V.07.01.03	9	4,98		01-2021	
III VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG																
1	Vũ Văn	Hương	1962	Đại học	Phòng Tổ chức - Hành chính	01.011	12	3,48	11%	10-2020	01.011	12	3,48	12%	10-2021	
2	Trần Tuấn	Ngọc	1971		Phòng Tổ chức - Hành chính	01.010	12	4,03	11%	11-2020	01.010	12	4,03	12%	11-2021	
3	Hoàng Văn	Linh	1962	Đại học	Thư viện	17.170	9	4,98	9%	09-2020	17.170	9	4,98	10%	09-2021	
4	Tương Bình	Nguyễn	1966	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao	V.07.01.03	9	4,98	6%	09-2020	V.07.01.03	9	4,98	7%	09-2021	



Lê Minh Chiến

Cam Đồng, ngày tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG